TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Dung
2. Bà Lê Thị Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Sỹ D; Sinh năm: 1984
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Số CCCD: 038084045977; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1985
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn Q, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Số CCCD: 038185044012; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2025, anh Nguyễn Sỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) ngày 26/9/2005. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh và chị H tính tình không hoà hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù vẫn chung sống một nhà nhưng vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa, việc của ai người nấy làm, không ăn chung, không ngủ chung. Cuộc sống hôn nhân như vậy kéo dài khiến anh vô cùng mệt mỏi và chán nản. Nay anh xác định tình cảm không còn, hạnh phúc đã tan vỡ nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 01/10/2006; Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh ngày 02/10/2014 và Nguyễn Sỹ C, sinh ngày 21/3/2016. Hiện nay cháu Lan A đã thành niên, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A1 và cháu C sau khi ly hôn, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2025, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Sỹ D có đăng ký kết hôn như anh D trình bày. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận bình thường nhưng thời gian gần đây anh D có người phụ nữ khác nên không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Nay anh D yêu cầu ly hôn với chị, chị xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị cũng không muốn con cái phải thiếu thốn tình cảm của bố mẹ nên chị không đồng ý ly hôn với anh D. Nếu anh D nhất quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như anh D trình bày. Hiện nay cháu Lan A đã thành niên, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu anh D nhất quyết ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu A1 và cháu C, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Sỹ D xin thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung. Anh đồng ý giao cháu A1 và cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Sỹ D được ly hôn chị Nguyễn Thị H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh ngày 02/10/2014 và Nguyễn Sỹ C, sinh ngày 21/3/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Anh Nguyễn Sỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H, chị H cư trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208

BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị H vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt chị H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Anh D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, anh D và chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh D và chị H.

[6]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Sỹ D và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) ngày 26/9/2005 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung và không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên hay sảy ra bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Sỹ D được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Hiện cháu Nguyễn Thị Lan A đã thành niên, anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, cả anh D và chị H đều có ý kiến giao cháu Nguyễn Ngọc A1 và Nguyễn Sỹ C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh D và chị H.

[8]. Về tài sản: Anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Sỹ D:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Sỹ D được ly hôn chị Nguyễn Thị H

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh ngày 02/10/2014 và Nguyễn Sỹ C, sinh ngày 21/3/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Sỹ D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa, theo biên lai số BLTU/25/0001491 ngày 04/8/2025. Anh D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Nguyễn Sỹ D và chị Nguyễn Thị H. Anh D và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc